Ký bởi Trung tâm Thông tin
Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Sơn La
Giờ ký: 2025-10-04T12:46:25.4222081+07:00

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 46 **Ngày 05 tháng 08 năm 2025**

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

28/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 71/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sơn La.	3
29/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 72/2025/QĐ-UBND phân cấp, điều chỉnh thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La.	13
29/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 73/2025/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục kiểm lâm, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La.	18
29/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 74/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.	27
29/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 75/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế Quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.	34

30/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 76/2025/QĐ-UBND quy định Quy chế phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Sơn La	36
31/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 77/2025/QĐ-UBND quy định về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.	43

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

29/07/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1891/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học tại Trường Cao đẳng Sơn La	46
29/07/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 1892/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025	77

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 71/2025/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 28 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 204/TTrSYT ngày 17 tháng 7 năm 2025.

UBND ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sơn La.

Điều 1. Vị trí và chức năng của Sở Y tế

1. Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Sơn La, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế bao gồm: y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội *(không bao gồm cai*

nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em; bảo trợ xã hội; y, dược cổ truyền; dược, mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

2. Sở Y tế có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND tỉnh đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế và các văn bản khác theo phân công của UBND tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế;

c) Dự thảo Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế; dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế;

d) Dự thảo Quyết định thực hiện xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

đ) Dự thảo Quyết định phân cấp, ủy quyền các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế theo quy định của pháp luật.

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và các văn bản khác về lĩnh vực y tế sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế.

4. Tổ chức thực hiện việc thẩm định, cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấp phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế theo phân công, phân cấp và theo quy định của pháp luật. Thực hiện quản lý, giám sát chất lượng của các dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế theo quy định của pháp luật.

5. Về y tế dự phòng

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng, chống các bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; xác

định tình trạng nghiện ma túy, dự phòng và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện, các chất ma túy khác; sức khoẻ môi trường, sức khoẻ trường học, vệ sinh và sức khoẻ lao động; dinh dưỡng cộng đồng; kiểm dịch y tế biên giới; quản lý chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; quản lý hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện giám sát bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, các vấn đề y tế công cộng khác; phát hiện sớm và xử lý các bệnh truyền nhiễm gây dịch; thực hiện thông báo tình hình dịch theo quy định của pháp luật; tham mưu cho UBND tỉnh về việc công bố dịch và công bố hết dịch theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động tiêm chủng vắc xin và sử dụng sinh phẩm y tế cho các đối tượng theo quy định của pháp luật; tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện đăng tải thông tin về cơ sở đã công bố đủ điều kiện tiêm chủng trên trang Thông tin điện tử của Sở Y tế theo quy định của pháp luật;

d) Công bố, công bố lại cơ sở đủ điều kiện, đình chỉ, hủy bỏ hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện hoạt động điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; đăng tải danh sách các cơ sở đã tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I và cấp II trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế theo quy định của pháp luật;

đ) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động tại cơ sở lao động; đánh giá, kiểm soát, quản lý các yếu tố có hại sức khỏe tại nơi làm việc; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động quan trắc môi trường lao động, công bố tổ chức quan trắc môi trường lao động đủ điều kiện hoạt động và tổ chức quan trắc môi trường bị đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật; tham mưu với UBND tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định;

e) Hướng dẫn theo thẩm quyền công tác quản lý vệ sinh lao động, khám sức khỏe người lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, quản lý sức khỏe người lao động tại nơi làm việc; quản lý về công tác huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động, huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật;

g) Đầu mối về công tác phòng chống tác hại của thuốc lá, phòng chống tác hại của rượu, bia theo quy định của pháp luật.

6. Về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên môn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần theo

phân cấp quản lý và theo quy định của pháp luật;

b) Thẩm định, xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt danh mục kỹ thuật được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn về chuyên môn và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện quản lý theo quy định.

7. Về bà mẹ, trẻ em

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, mục tiêu quốc gia, chỉ tiêu về bà mẹ, trẻ em; các quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, dịch vụ bảo vệ trẻ em;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản; tư vấn, dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em; tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; mô hình, dự án về bảo vệ bà mẹ, trẻ em; Tháng hành động vì trẻ em; sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em;

c) Điều phối thực hiện quyền trẻ em phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương; đề xuất việc bố trí, vận động nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em và bảo vệ trẻ em tại địa phương; tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo thẩm quyền; hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

d) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; đề xuất việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em khi địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng báo cáo hằng năm hoặc đột xuất về việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

8. Về dân số

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, mô hình, hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu về dân số; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ trong lĩnh vực dân số;

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số trên địa bàn. Tham mưu các giải pháp nhằm điều chỉnh quy mô dân số phù hợp, kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và thích ứng với già hóa dân số;

c) Chủ trì, phối hợp liên ngành trong công tác dân số; lồng ghép nội dung về dân số - phát triển trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Về bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch về trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, hỗ trợ chi phí mai táng, công tác xã hội, công tác người cao tuổi, công tác người khuyết tật và các trợ giúp xã hội khác;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch về phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán;

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội khẩn cấp trong việc khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác;

d) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về điều kiện, thủ tục thành lập và đăng ký, cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người khuyết tật theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật;

e) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc sàng lọc dấu hiệu bị mua bán đối với người lao động; việc tiếp nhận và thực hiện biện pháp hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán hòa nhập cộng đồng;

g) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống tệ nạn mại dâm, mua bán người vào chương trình phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo vệ trẻ em, chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ và chương trình khác về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

10. Về y, dược cổ truyền

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật về kế thừa, bảo tồn, phát triển, hiện đại hóa y, dược cổ truyền; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về y, dược cổ truyền; kết hợp y, dược cổ truyền với y, dược hiện đại;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các biện pháp bảo tồn, khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững nguồn dược liệu, phát triển vùng nuôi trồng dược liệu.

11. Về dược và mỹ phẩm

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dược, mỹ phẩm; bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc;

b) Thực hiện quản lý về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc; đình chỉ lưu hành, thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc; kiểm tra giám sát việc thu hồi, xử lý

thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu với UBND tỉnh thực hiện đấu thầu, mua thuốc theo quy định của pháp luật và triển khai các giải pháp cung ứng thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động dược lâm sàng bảo đảm an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

12. Về an toàn thực phẩm

a) Chủ trì, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương thuộc ngành y tế quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý an toàn thực phẩm, điều tra, xử lý các vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; giám sát, kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý.

13. Về thiết bị y tế và công trình y tế

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế và công trình y tế trên địa bàn tỉnh;

b) Đăng tải công khai các thông tin về thiết bị y tế, về cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

14. Về bảo hiểm y tế

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội ở địa phương thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

15. Về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực y tế

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành chế độ khuyến khích phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế và các chế độ, chính sách phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh;

c) Quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ giảng viên và các chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động theo thẩm quyền.

16. Về truyền thông, cung cấp thông tin y tế

a) Thực hiện truyền thông vận động, huy động sự ủng hộ của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và sự chủ động tham gia của người dân về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người dân; công tác giáo dục y đức, y nghiệp và phong trào thi đua yêu nước, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, nhân viên y tế trên địa bàn;

c) Đầu mối thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, cung cấp thông tin, quản lý thông tin về lĩnh vực y tế theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý khủng hoảng truyền thông về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý tại địa phương; thực hiện quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin về lĩnh vực y tế theo quy định.

17. Giúp UBND tỉnh quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em theo quy định; quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội, hiệp hội và tổ chức phi chính phủ tham gia hoạt động trong lĩnh vực y tế ở địa phương theo quy định của pháp luật.

18. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các thủ tục hành chính theo phân công, phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

19. Kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

20. Triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính trong lĩnh vực y tế theo mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chương trình cải cách hành chính nhà nước của UBND tỉnh.

21. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

22. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực y tế đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã và đơn vị liên quan.

23. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật.

24. Tổ chức thực hiện việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

25. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thuộc

Sở Y tế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế.

26. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá chất lượng đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế theo quy định của pháp luật và theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

27. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực.

28. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

29. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với UBND tỉnh và Bộ Y tế.

30. Thường trực cho tổ chức phối hợp liên ngành của tỉnh theo ngành, lĩnh vực phụ trách; thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, ủy quyền và các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Sở Y tế

1. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Y tế

a) Văn phòng;

b) Phòng Tổ chức cán bộ;

c) Phòng Nghiệp vụ Y - Dược;

d) Phòng Kế hoạch - Tài chính;

e) Phòng Bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội.

2. Các Chi cục thuộc Sở Y tế

a) Chi cục Dân số;

b) Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế

a) Các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh

- Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La;

- Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Sơn La;

- Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Sơn La;

- Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn La;

- Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La;

- Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La;

- Bệnh viện Phổi tỉnh Sơn La;

- Bệnh viện Mắt tỉnh Sơn La.

b) Các Trung tâm tuyến tỉnh

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;

- Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm;

- Trung tâm Pháp y - Giám định y khoa;

- Trung tâm Bảo trợ xã hội.

c) Các bệnh viện đa khoa khu vực

- Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Yên;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Mường La;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Quỳnh Nhai;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Thuận Châu;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Sông Mã;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Sốp Cộp;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Mai Sơn;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Châu;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Mộc Châu;

- Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Hồ.

d) Các trung tâm y tế khu vực

- Trung tâm Y tế khu vực Phù Yên;

- Trung tâm Y tế khu vực Bắc Yên;

- Trung tâm Y tế khu vực Mường La; - Trung tâm Y tế khu vực Quỳnh Nhai; - Trung tâm Y tế khu vực Thuận Châu; - Trung tâm Y tế khu vực Sông Mã; - Trung tâm Y tế khu vực Sốp Cộp; - Trung tâm Y tế khu vực Sơn La; - Trung tâm Y tế khu vực Mai Sơn; - Trung tâm Y tế khu vực Yên Châu; - Trung tâm Y tế khu vực Mộc Châu; - Trung tâm Y tế khu vực Vân Hồ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2025, thay thế Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sơn La.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 72/2025/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp, điều chỉnh thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 328/TTr-SXD ngày 17 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 513/BC-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 362/BC-STP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Sở Tư pháp; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 683/BC-VPUB ngày 27 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân Sơn La ban hành Quyết định phân cấp, điều chỉnh thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc phân cấp, điều chỉnh thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Điều chỉnh thẩm quyền thẩm định

1. Điều chỉnh thẩm quyền thẩm định giữa các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành với Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh như sau:

a) Đối với thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng quy mô lớn sử dụng vốn khác hoặc có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng trong phạm vi ranh giới đất được giao quản lý;

b) Đối với thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở: Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc dự án sử dụng vốn khác được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trong phạm vi ranh giới đất được giao quản lý;

c) Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nội dung của người quyết định đầu tư, nội dung của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án, công trình trong phạm vi ranh giới đất Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh được giao quản lý, trừ các nội dung tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Điều chỉnh thẩm quyền thẩm định giữa các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành với Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của xã như sau:

Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương thực hiện thẩm định đối với các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nội dung của người quyết định đầu tư, nội dung của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng do UBND cấp xã quyết định đầu tư có công trình chính từ cấp II trở lên theo chuyên ngành quản lý.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền thẩm định

Phân cấp thẩm quyền thẩm định cho Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã thẩm định đối với các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nội dung của người quyết định đầu tư, nội dung của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng do UBND cấp xã quyết định đầu tư có công trình chính từ cấp III trở xuống trong phạm vi quản lý.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chỉ đạo, kiểm tra các các cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc trong việc tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;

b) Giao Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với nội dung thẩm định do Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã thực hiện.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác thẩm định của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã;

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xác định cơ quan thẩm định trường hợp có sự mâu thuẫn, không rõ ràng giữa các tiêu chí xác định thẩm quyền thẩm định;

c) Chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo của UBND tỉnh để báo cáo Bộ Xây dựng theo định kỳ, hằng năm, đột xuất khi có yêu cầu về công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương

a) Phối hợp với Sở Xây dựng tham gia hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã;

b) Báo cáo hằng năm (trước ngày 10 tháng 12 hằng năm) về tình hình thẩm định dự án đầu tư xây dựng gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng theo quy định.

4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác thẩm định tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo phù hợp với quy mô đã được giao tại Quyết định này;

b) Chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh đối với nội dung thẩm định được giao;

c) Báo cáo hằng năm (trước ngày 10 tháng 12 hằng năm) về tình hình thẩm định dự án đầu tư xây dựng gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Đảm bảo các nguồn lực và điều kiện cần thiết để Phòng được giao quản lý xây dựng trực thuộc thực hiện tốt nhiêm vụ thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chủ động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định dự án đầu tư xây dựng của Phòng được giao quản lý xây dựng trực thuộc;

c) Báo cáo hằng năm (trước ngày 10 tháng 12 hằng năm) về tình hình thẩm định dự án đầu tư xây dựng do Phòng được giao quản lý xây dựng trực thuộc gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng theo quy định.

6. Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác thẩm định tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo phù hợp với quy mô đã được phân cấp tại Quyết định này;

b) Chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND xã đối với nội dung thẩm định được phân cấp;

c) Tham mưu, đề xuất với UBND cấp xã đảm bảo các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp, sắp xếp, bố trí cán bộ đủ năng lực, phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn để thực hiện công tác thẩm định.

Điều 6. Xử lý chuyển tiếp

Đối với những dự án do UBND cấp huyện quyết định đầu tư, đang được Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện tổ chức thẩm định và ban hành kết quả thẩm định hoặc đang thẩm định nhưng chưa kịp ban hành kết quả thẩm định, thẩm quyền thẩm định (bao gồm cả thẩm định điều chỉnh) được xác định như sau:

1. Trường hợp thẩm quyền quyết định đầu tư chuyển cho Chủ tịch UBND tỉnh hoặc dự án được đầu tư trên địa bàn hành chính của 02 xã trở lên: Thẩm quyền thẩm định thuộc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

2. Trường hợp thẩm quyền quyết định đầu tư chuyển cho Chủ tịch UBND cấp xã: Thẩm quyền thẩm định thuộc Phòng được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã, trừ trường hợp dự án được đầu tư trên địa bàn hành chính của 02 xã trở lên.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và thay thế Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương; Giám đốc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; Trưởng phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 73/2025/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục kiểm lâm, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 801/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La.

Điều 1. Vị trí, chức năng của Chi cục Kiểm lâm

1. Chi cục Kiểm lâm (sau đây viết tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp

và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về lâm nghiệp, kiểm lâm, đa dạng sinh học; biến đổi khí hậu theo quy định pháp luật; là lực lượng chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy rừng.

2. Chi cục có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng theo quy định pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Cục Biến đổi khí hậu; Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chi cục Kiểm lâm

1. Giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh:

a) Trình UBND cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương; phân định ranh giới các loại rừng; quyết định giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng; phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; quyết định khung giá rừng tại địa phương; quyết định thành lập khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ tại địa phương; quyết định đóng, mở cửa rừng tự nhiên tại địa phương theo quy định; báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở cấp tỉnh; Tham mưu giúp Giám đốc Sở, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phương án huy động, điều phối và phân công các lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, vật tư và các nguồn lực để chữa cháy rừng; bảo đảm các điều kiện phục vụ chữa cháy rừng; cấp, cấp lại giấy phép trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định.

b) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về lâm nghiệp; đa dạng sinh học; biến đổi khí hậu; tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; cập nhật cơ sở dữ liệu, hồ sơ quản lý rừng ở địa phương; bảo vệ rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các loại rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; phát triển rừng; sử dụng rừng; khai thác lâm sản; tổ chức sản xuất lâm nghiệp gắn với chế biến và thương mại lâm sản tại địa phương.

c) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng thuộc sở hữu toàn dân nơi nhà nước chưa giao, chưa cho thuê; phát triển cây lâm nghiệp phân tán theo quy định.

2. Giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm

a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp, chiến lược phát triển lâm nghiệp, quy hoạch lâm nghiệp; chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về lâm nghiệp theo quyết định của UBND tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra về sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản kết hợp, nuôi trồng dược liệu trong rừng theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lâm nghiệp; xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; tổng hợp, cập nhật, công bố công khai danh mục nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận hoặc hủy bỏ công nhận; trồng rừng; nuôi dưỡng rừng; làm giàu rừng; cải tạo rừng tự nhiên và khoanh nuôi tái sinh rừng; chế biến và thương mại lâm sản; phòng, chống dịch bệnh gây hại rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng;

d) Tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý, thiết kế, dự toán công trình lâm sinh theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của UBND cấp xã và chủ rừng trong quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, giao đất, giao rừng ở địa phương, phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, quản lý lâm sản, bảo tồn tài nguyên và đa dạng sinh học trong các loại rừng.

e) Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm lâm tại địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh:

a) Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, phương án, đề án về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp;

b) Theo dõi diễn biến rừng, kiểm kê rừng, giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định pháp luật;

c) Tổ chức quản lý, bảo vệ rừng, lập và thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng của chủ rừng;

d) Tổ chức đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý rừng, bảo vệ rừng, khai thác rừng, sử dụng rừng, vận chuyển, kinh doanh, cất giữ, chế biến lâm sản; xác minh, truy xuất, xác nhận nguồn gốc lâm sản đối với cơ sở kinh doanh, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc kinh doanh, chế biến lâm sản, gây nuôi, trồng cấy ghép các loài động vật rừng, thực vật rừng theo quy định pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, phương án, đề án về quản lý rừng, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp thuộc nhiệm vụ giao theo quy định pháp luật;

b) Phối hợp chủ rừng tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; bảo tồn tài nguyên, đa dạng sinh học rừng theo quy định pháp luật;

c) Phối hợp các cơ quan, tổ chức, lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ rừng thuộc sở hữu toàn dân nơi nhà nước chưa giao, chưa cho thuê;

d) Theo dõi, dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; tổ chức lực lượng, phương tiện phối hợp chủ rừng và chính quyền các cấp chữa cháy rừng; trong trường hợp cần thiết tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn tổ chức chữa cháy rừng;

đ) Tổ chức xây dựng lực lượng chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy rừng; kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng;

e) Tổ chức đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính; khởi tố, điều tra vụ án hình sự hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định pháp luật;

g) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, vận động, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp;

h) Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

i) Quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ, phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng, đồng phục theo quy định pháp luật.

5. Về Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về đa dạng sinh học, bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên địa bàn; điều tra, thống kê, kiểm kê, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học, xác lập chế độ phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên theo quy định; tổ chức điều tra để lập Danh mục loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, đánh giá khả năng xâm nhập của loài ngoại lai từ bên ngoài để có biện pháp phòng ngừa, kiểm soát; điều tra, xác định khu vực phân bố, lập kế hoạch cô lập và diệt trừ loài thuộc Danh mục loài ngoại lai xâm hại tại địa phương; công khai Danh mục loài ngoại lai xâm hại, thông tin về khu vực phân bố, mức độ xâm hại của loài ngoại lai xâm hại theo quy định;

b) Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn; quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn; công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn; quy chế phối hợp quản lý vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn trên địa bàn;

c) Tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh mục, dự án thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên cấp tỉnh, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, cảnh quan sinh thái quan trọng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy hoạch đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật; bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo tồn nguồn gen các loài bản địa, loài có giá trị tại địa phương; quản lý, giám sát hoạt động tiếp cận nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen theo quy định của pháp luật; kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen và sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; tổ chức thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học cấp tỉnh; quy chế phối hợp quản lý vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn trên địa bàn; lập hồ sơ đề cử công nhận và thực hiện chế độ quản lý các danh hiệu quốc tế về bảo tồn (khu Ramsar, vườn di sản của ASEAN, khu Dự trữ sinh quyển thế giới); tổ chức kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo đa dạng sinh học, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học;

d) Tổ chức điều tra, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn và lập dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý; lấy ý kiến cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn hoặc tiếp giáp với khu bảo tồn; điều tra, đánh giá khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên khác; xây dựng dự án xác lập di sản thiên nhiên, tổ chức lấy ý kiến và tham vấn cộng đồng, hoàn thiện hồ sơ dự án xác lập di sản thiên nhiên; điều tra, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học, môi trường, kinh tế, văn hóa và xã hội vùng đất ngập nước dự kiến thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia; lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia; lấy ý kiến của cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong hoặc tiếp giáp với vùng đất ngập nước nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia; lập hồ sơ đề nghị thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia.

6. Về biến đổi khí hậu

Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của địa phương;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện việc lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

d) Tổ chức triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí

hậu; xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp địa phương thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Theo dõi hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; kiểm soát hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính tại địa phương theo quy định của pháp luật và theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hằng năm lập báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ xây dựng báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

i) Tham mưu xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cấp địa phương;

k) Tổ chức theo dõi, giám sát các cơ sở lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành, có trách nhiệm thực hiện kiểm kê khí nhà kính của cơ sở; xây dựng kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính;

l) Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về phát thải khí nhà kính và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo các quy định hiện hành;

m) Tham gia thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo phân công của UBND cấp tỉnh.

7. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất lâm nghiệp tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về lâm nghiệp; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất lâm nghiệp, diễn biến rừng và các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý về lâm nghiệp theo quy định.

9. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục và theo phân công của Sở Nông nghiệp và Môi trường và theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất trong lĩnh vực lâm nghiệp, quản lý bảo vệ rừng, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

trình UBND tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện chương trình cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

13. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác bảo vệ và phát triển rừng; đa dạng sinh học; biến đổi khí hậu; quản lý buôn bán các loài động vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm; phòng, chống dịch bệnh trong lâm nghiệp và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định pháp luật.

14. Thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật lĩnh vực lâm nghiệp; đa dạng sinh học; biến đổi khí hậu theo quy định pháp luật hoặc phân công của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm của Chi cục Kiểm lâm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật và phân cấp.

16. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định pháp luật và phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

17. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, theo quy định của Sở Nông nghiệp và Môi trường và theo quy định pháp luật.

18. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc (trừ các đơn vị sự nghiệp).

19. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao và theo quy định pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm

1. Lãnh đạo Chi cục gồm: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng.

a) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục.

b) Phó Chi cục trưởng giúp Chi cục trưởng phụ trách, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, lĩnh vực công tác được Chi cục trưởng phân công; chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; Khi Chi cục trưởng vắng mặt, một Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy quyền điều hành các hoạt động của Chi cục.

2. Phòng, đội thuộc Chi cục

Chi cục Kiểm lâm có 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng. Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu riêng, về tài chính sử dụng chung tài khoản của Văn phòng Chi cục Kiểm lâm để hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn và thực thi nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Phòng Tổ chức hành chính;

b) Phòng Sử dụng và phát triển rừng;

c) Phòng Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

d) Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp;

đ) Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng.

3. Các đơn vị hành chính trực thuộc (17 hạt kiểm lâm)

Chi cục Kiểm lâm có 17 Hạt Kiểm lâm khu vực trực thuộc. Hạt Kiểm lâm có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu và được mở tài khoản riêng để hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn theo quy định pháp luật, bao gồm:

a) Hạt kiểm lâm khu vực I;

b) Hạt kiểm lâm khu vực II;

c) Hạt kiểm lâm khu vực III;

d) Hạt kiểm lâm khu vực IV;

đ) Hạt kiểm lâm khu vực V;

e) Hạt kiểm lâm khu vực VI;

g) Hạt kiểm lâm khu vực VII;

h) Hạt kiểm lâm khu vực VIII;

i) Hạt kiểm lâm khu vực IX;

k) Hạt kiểm lâm khu vực X;

l) Hạt kiểm lâm khu vực XI;

m) Hạt kiểm lâm khu vực XII;

n) Hạt kiểm lâm khu vực XIII và khu bảo tồn thiên nhiên Mường La;

o) Hạt kiểm lâm khu vực XIV và khu rừng đặc dụng phòng hộ Thuận Châu;

ô) Hạt kiểm lâm khu vực XV và khu rừng đặc dụng Tà Xùa;

ơ) Hạt kiểm lâm khu vực XVI và khu rừng đặc dụng Xuân Nha;

p) Hạt kiểm lâm khu vực XVII và khu rừng đặc dụng phòng hộ Sốp Cộp;

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (05 Ban Quản lý rừng)

Chi cục Kiểm lâm có 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc là các Ban Quản lý rừng đặc dụng, Ban Quản lý rừng đặc dụng phòng hộ, Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên. Các đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu và được mở tài khoản riêng để hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn theo quy định pháp luật, bao gồm:

a) Ban Quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha;

b) Ban Quản lý rừng đặc dụng Tà Xùa;

c) Ban Quản lý rừng đặc dụng phòng hộ Sốp Cộp;

d) Ban Quản lý rừng đặc dụng phòng hộ Thuận Châu;

đ) Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 7 năm 2025 và thay thế Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm, trực thuộc Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Sơn La.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ .

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 74/2025/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 334/TTr-SXD ngày 20 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 528/BC-SXD ngày 19 tháng 7 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 370/BC-STP ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Sở Tư pháp; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 682/BC-VPUB ngày 27 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định Quy định về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và thay thế Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 74/2025/QĐ-UBND ngày 29/72025 của UBND tỉnh Sơn La)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý trật tự xây dựng; phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình trên địa bàn tỉnh Sơn La

2. Nguyên tắc, trách nhiệm quản lý, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND các xã, phường (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý trật tự xây dựng phải được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP) và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh phải được thường xuyên kiểm tra, giám sát từ khi khởi công đến khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Công trình vi phạm trật tự xây dựng phải được phát hiện kịp thời, ngăn chặn và xử lý dứt điểm ngay từ khi mới phát sinh, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

3. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, kịp thời, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, không chồng chéo trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung quản lý trật tự xây dựng

1. Đối với công trình được cấp giấy phép xây dựng

Thực hiện kiểm tra sự phù hợp của công trình xây dựng đối với các nội dung theo giấy phép xây dựng được cấp quy định tại Điều 90 Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và sự phù hợp so với bản vẽ thiết kế được đóng dấu cấp phép xây dựng.

2. Đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 67 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Phân cấp quản lý trật tự xây dựng

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã:

1. Quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn (trừ công trình bí mật nhà nước);

2. Tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đối với các công trình được phân cấp quản lý trật tự xây dựng theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Chương III
NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM

Điều 6. Sở Xây dựng

1. Phối hợp với UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân và nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng; hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp để chỉ đạo, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Thông tin kết quả cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình do Sở Xây dựng cấp phép, các công trình do Sở Xây dựng thẩm định thuộc diện được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác cấp giấy phép xây dựng, công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

5. Tham mưu giúp UBND tỉnh đôn đốc, hướng dẫn UBND cấp xã trong việc kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn.

6. Phối hợp với UBND cấp xã kiểm tra, xử lý các công trình vi phạm có quy mô và tính chất phức tạp khi có đề nghị của UBND cấp xã.

Điều 7. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

1. Phối hợp với UBND cấp xã khi được cơ quan này tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về trật tự xây dựng đối với các công trình, dự án trong các khu chức năng trong các Khu công nghiệp do mình quản lý.

2. Công bố công khai giấy phép xây dựng (do Ban cấp) trên trang thông tin điện tử của Ban và thông tin đến Sở Xây dựng, UBND cấp xã nơi có công trình được cấp giấy phép xây dựng để phối hợp quản lý (nếu có).

3. Cung cấp thông tin về các hành vi vi phạm trật tự xây dựng trong khu công nghiệp cho người có thẩm quyền để xử lý theo quy định. Cung thông tin, hồ sơ liên quan đến công trình vi phạm cho cơ quan chủ trì xử lý vi phạm khi được yêu cầu.

Điều 8. Ủy ban nhân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, các quy định của pháp luật có liên quan và theo phân cấp tại Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức và nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn.

3. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, đúng quy định pháp luật các công trình vi phạm trật tự xây dựng; cung cấp các thông tin về quy hoạch, giấy phép xây dựng và các thông tin liên quan phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm về trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý; tổ chức thực hiện quyết định xử lý vi phạm do cấp có thẩm quyền ban hành để xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Trước khi tiến hành kiểm tra trật tự xây dựng, phải thông báo nội dung kiểm tra, hồ sơ, tài liệu cần cung cấp, thời gian kiểm tra và các nội dung liên quan đến chủ đầu tư xây dựng công trình được kiểm tra (trừ trường hợp kiểm tra đột xuất).

5. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo đề nghị của Sở Xây dựng để phục vụ cho hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

6. Phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm, pháp luật về trật tự xây dựng và giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn khi có yêu cầu của cơ quan có liên quan.

7. Tổ chức thực hiện áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định để kịp thời ngăn chặn đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, không để vi

phạm tiếp diễn sau khi đã có biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

8. Xem xét, xử lý trách nhiệm các tập thể, cá nhân do buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng nghiêm trọng trên địa bàn quản lý.

Điều 9. Cơ quan Công an

1. Tham gia, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp xã, cơ quan có thẩm quyền trong công tác quản lý trật tự xây dựng, xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ của Ngành.

2. Tham gia, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để kịp thời ngăn chặn, xử lý đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, không để vi phạm tiếp diễn sau khi đã có biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý của các cấp có thẩm quyền, đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Các Sở, ban, ngành có liên quan

Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với Sở Xây dựng và UBND cấp xã trong công tác quản lý trật tự xây dựng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về các nội dung có liên quan được giao quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ đầu tư; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Thực hiện đầy đủ các nội dung theo thông báo kiểm tra; tham gia, phối hợp kiểm tra trật tự xây dựng khi cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu.

3. Gửi hồ sơ thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này đến UBND cấp xã.

Chương IV
THÔNG TIN, BÁO CÁO; ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Giám đốc Sở Xây dựng chỉ đạo phòng chuyên môn trực thuộc; Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn và các cơ quan có liên quan phối hợp chặt chẽ trong công tác nắm bắt tình hình, trao đổi thông tin, lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Định kỳ hằng năm, Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh, tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo hằng năm (trước ngày 10 tháng 12 hằng năm) trình UBND tỉnh và Sở Xây dựng về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc cần được hướng dẫn hoặc bổ sung, điều chỉnh Quy định, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm báo cáo đề xuất, gửi Sở Xây dựng để được hướng dẫn triển khai hoặc để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 75/2025/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế Quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Sở Công Thương;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế Quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế Quản lý hoạt động vật liệu nổ công

nghiệp và tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế Quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2025./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 76/2025/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 30 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Quy chế phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 5 năm 2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 339/TTr-SXD ngày 21 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 512/BC-SXD ngày 17 tháng 7 năm 2025; kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 349/BC-STP ngày 12 tháng 7 năm 2025; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 695/BC-VPUB ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh,

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định quy định Quy chế phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và thay thế Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Trưởng Thuế tỉnh Sơn La; Trưởng Thống kê tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ đầu tư các dự án bất động sản; Các sàn giao dịch bất động sản trên địa bàn tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Sơn La.

2. Các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản chia sẻ, cung cấp tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản *(sau đây gọi là Nghị định số 94/2024/NĐ-CP)* và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp, xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Sơn La được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Tuân thủ các nguyên tắc xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

3. Việc trao đổi, phối hợp cung cấp thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải đảm bảo kịp thời, đầy đủ và chính xác, chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 94/2024/NĐ-CP và mỗi cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin, dữ liệu do mình cung cấp.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, dữ liệu do mình chia sẻ, cung cấp; xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Chương II
NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU, CHIA SẺ, CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 4. Phối hợp trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Sở Xây dựng chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản đảm bảo theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện xây dựng, cung cấp thông tin, dữ liệu được thực hiện trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản *(địa chỉ website https://bds.xaydung.gov.vn)* theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Trường hợp Cổng Thông tin của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản chưa hoạt động hoặc đã hoạt động nhưng có lỗi không thể thực hiện thao tác cung cấp thông tin thì các đơn vị tổng hợp báo cáo gửi thông tin, dữ liệu bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử đã ký số theo quy định gửi về Sở Xây dựng để báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tiếp nhận thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chia sẻ, cung cấp theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Trường hợp cần thu thập, cập nhật, bổ sung thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản nhằm phục vụ công tác quản lý, thì Sở Xây dựng đề xuất, báo cáo UBND tỉnh chấp thuận trước khi tổ chức thực hiện.

4. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được rà soát, xử lý đảm bảo tính thống nhất. Trường hợp phát hiện thông tin, dữ liệu chưa thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, thì Sở Xây dựng chủ trì phối hợp làm rõ, thống nhất trước khi các cơ quan, tổ chức, cá nhân cập nhật vào phần mềm dùng chung theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

2. Căn cứ các biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP các đơn vị phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản như sau:

a) Sở Xây dựng cung cấp thông tin, dữ liệu theo các Biểu mẫu số 03, 16, 18, 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

b) Sở Tài chính cung cấp thông tin, dữ liệu theo các Biểu mẫu số 12, 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

c) Sở Tư pháp cung cấp thông tin, dữ liệu theo Biểu mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp thông tin, dữ liệu theo các Biểu mẫu số 15, 20 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

đ) Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La cung cấp thông tin, dữ liệu theo Mục 3.4 của Biểu mẫu số 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

e) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cung cấp thông tin, dữ liệu theo Biểu mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

g) UBND các xã, phường cung cấp thông tin, dữ liệu theo các Biểu mẫu số 3, 13, 15, 19, 21, 22, 23 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

h) Các chủ đầu tư dự án bất động sản cung cấp thông tin, dữ liệu theo các Biểu mẫu số 9, 10, 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

i) Các sàn giao dịch bất động sản cung cấp thông tin, dữ liệu theo Biểu mẫu số 17 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Sở Xây dựng

1. Tham mưu với UBND tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP.

2. Hằng năm, trên cơ sở tình hình thực tế xây dựng, báo cáo UBND tỉnh kế hoạch và dự toán kinh phí cho việc điều tra, thu thập thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Tiếp nhận, tổng hợp, rà soát, xử lý các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân chia sẻ, cung cấp theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 15, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư các dự án bất động sản, sàn giao dịch bất động nghiêm túc thực hiện phối hợp chia sẻ, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu theo Quy chế này.

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các chủ đầu tư, sàn giao dịch bất động sản trên địa bàn tỉnh

1. Bố trí cán bộ công chức, viên chức, người lao động làm đầu mối thực hiện công tác theo dõi, tổng hợp báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo Quy chế này.

2. Thu thập, chia sẻ, cung cấp các thông tin liên quan đến lĩnh vực về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này trong phạm vi chức năng của mình và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu.

3. Thông báo kịp thời những sai sót của thông tin, dữ liệu đã chia sẻ, cung cấp và phối hợp để xử lý thông tin theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc kết nối, tích hợp thông tin từ các cơ sở dữ liệu có liên quan do mình quản lý, đồng thời đảm bảo cho việc duy trì, kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

5. Sở Tài chính

Thẩm định, tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí ngân sách hàng năm phục vụ công tác điều tra, thu thập thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản và đầu tư, duy trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

6. UBND các xã, phường

a) Đôn đốc, chỉ đạo các chủ đầu tư dự án bất động sản, sàn giao dịch bất động sản đang triển khai trên địa bàn thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu, chế độ báo cáo theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu về quy hoạch với cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản. Thực hiện tổng hợp báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định.

Điều 8. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp tại thời điểm Quy chế này có hiệu lực mà việc hoàn thiện, nâng cấp phần mềm phục vụ kê khai, báo cáo thông tin, dữ liệu chưa hoàn thành thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo bằng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo. Việc chuyển đổi hoàn toàn sang hình thức trực tuyến sẽ được thực hiện sau khi Bộ Xây dựng hoàn thành phần mềm, Sở Xây dựng sẽ có thông báo, cấp tài khoản điện tử để thực hiện chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu trực tuyến tại Cổng Thông tin của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản *(địa chỉ website https://bds.xaydung.gov.vn)*. Trường hợp có phát sinh

khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 77/2025/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 31 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 347/TTr-SXD ngày 24 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 532/BC-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 372/BC-STP ngày 20 tháng 7 năm 2025 của Sở Tư pháp; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 698/BC-VPUB ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Văn phòng UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Quyết định Quy định về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết về trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 76 của Luật Nhà ở năm 2023.

2. Các sở, ngành thuộc tỉnh có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan đến phát triển, quản lý, sử dụng, sở hữu nhà ở xã hội.

Điều 3. Quy định chi tiết về trường hợp có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

1. Người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc phải từ 30 km trở lên tính từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến địa điểm làm việc theo chiều dài tuyến đường giao thông đường bộ có lộ trình ngắn nhất.

2. Trường hợp người có từ 02 (hai) nhà ở thuộc sở hữu của mình trở lên thì khoảng cách từ nhà ở thuộc sở hữu của mình đến địa điểm làm việc được xác định theo nhà ở gần nơi làm việc nhất và đảm bảo khoảng cách theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong quá trình xác định khoảng cách; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc đối với việc áp dụng quy định này trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan; UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi các nội dung liên quan tại Quyết định này, phối hợp với Sở Xây dựng trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi quản lý ngành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1891/2025/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 208/TTr-SKHCN ngày 21 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường quyết định ban hành kế hoạch cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được

giao và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả; định kỳ hàng quý, năm báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch với UBND tỉnh để có giải pháp chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 UBND tỉnh)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hoàn thành các mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, thúc đẩy quá trình phát triển đô thị thông minh; phấn đấu vị trí xếp hạng chuyển đổi số *(DTI)* của tỉnh đạt mức khá trong các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc;

- Tập trung huy động nguồn lực đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh một cách toàn diện, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, tập trung

vào phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; số hóa dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành; đào tạo phát triển nguồn nhân lực số; ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng dùng chung hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp thông tin cho người dân, quản lý dân cư, phục vụ người dân và doanh nghiệp;

- Xác định rõ và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị là một trong tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của năm.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Nâng cao vai trò hoạt động của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 *(Ban Chỉ đạo 1287)* và Ban Chỉ đạo của các sở, ban, ngành, địa phương; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số ở các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; chủ tịch UBND các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh;

- Các cấp, các ngành tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về các chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo phương châm: "*Nhận thức đóng vai trò quyết định; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; nền tảng số là đột phá; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin là then chốt; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công trong chuyển đổi số*";

- Xác định chuyển đổi số là "động lực" quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và có tính động, tính mở để phù hợp, đúng với định hướng, chỉ đạo của Trung ương trong từng giai đoạn phát triển; là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành và địa phương;

- Kiểm tra, giám sát của các cấp chính quyền đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về chương trình chuyển đổi số;

- Quyết định ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025 - 2030. Lồng ghép chiến lược tổng thể, nội dung phát triển hạ tầng số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm;

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030;

- Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng; cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng thủ tục hành chính trực tuyến;

- Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Sơn La, phiên bản 4.0.

3. Hạ tầng số

- Hình thành Trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao; xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số, dữ liệu số;

- Đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại một số cơ quan, đơn vị; Rà soát nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kĩ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC;

- Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng, phủ sóng 4G/5G; triển khai các nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử;

- Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu *(LGSP)* của tỉnh. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu *(dân cư, đất đai, doanh nghiệp...)* trên nền tảng chung, tích hợp với AI;

- Đầu tư, thiết lập Hệ thống đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tuyên truyền ở cơ sở. Đầu tư phòng thu phát thanh trực tiếp và Studio đa phương tiện;

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ *(IoT, AI, GIS...)* trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững;

- Triển khai Đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,... *(của Trung ương)*.

4. Nhân lực số

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai chuyển đổi số từ tỉnh đến cơ sở;

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào "Bình dân học vụ số"; Kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào "học tập số";

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho cán bộ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, Tổ chuyển đổi số cộng đồng. Phối hợp triển khai, tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức nhằm nâng cao về kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo Cao đẳng, Đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển dữ liệu số

- Thực hiện cập nhật và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu quy mô toàn quốc theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương triển khai trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

(1) CSDL quốc gia về dân cư;

(2) CSDL quốc gia về đất đai;

(3) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

(4) CSDL quốc gia về tài chính;

(5) CSDL quốc gia về bảo hiểm;

(6) CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước;

(7) CSDL quốc gia về thủ tục hành chính;

(8) CSDL tổng hợp quốc gia;

(9) CSDL quốc gia về hoạt động xây dựng;

(10) CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh;

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục tại Quyết định số 1527/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 6 năm

2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số;

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường…;

- Duy trì Cổng Dữ liệu mở tỉnh Sơn La; cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành;

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng;

- Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ *(đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...);* tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp;

- Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai. Số hóa trong công tác kiểm tra kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp. Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin theo Kế hoạch số 261/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025;

- Xây dựng và ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng; kế hoạch đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố; kế hoạch ứng phó sự cố; kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn;

- Thực hiện rà soát các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh để thực hiện phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm cấp độ an toàn hệ thống thông tin;

- Duy trì Hệ thống Giám sát an ninh mạng, quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ;

- Duy trì và mở rộng Hệ thống phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung cho trên 7.000 máy trạm của cán bộ, công chức, viên chức ở các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, phường;

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung ương *(Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ);*

- Tổ chức kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng trên địa bàn tỉnh;

- Đầu tư Hệ thống an toàn thông tin theo cấp độ của một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

7. Chính quyền số

- Tiếp tục duy trì các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh như: Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã, phường; Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hệ thống Cổng thông tin điện tử; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống thông tin phục vụ họp *(eCabinet)*... đảm bảo các hệ thống hoạt động ổn định, được khai thác thường xuyên, liên tục, phục vụ hiệu quả cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp;

- Triển khai các Hệ thống thông tin chuyên ngành: Duy trì Hệ thống thông tin hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số tỉnh Sơn La; Phần mềm quản lý, lập kế hoạch thanh tra và xử lý chống chéo thanh tra; Hệ thống đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 cấp THPT; Phần mềm quản lý chương trình đào tạo, bồi dưỡng; phần mềm quản lý học viên; Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh; Phần mềm chuyển đổi số cho hệ thống hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La; Chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La; Hệ thống thông tin Quản lý ngân sách tỉnh Sơn La;

- Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh;

- Số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng từ bản giấy sang bản điện tử để lưu trữ, bảo quản lâu dài phục vụ cho việc tra cứu, tiếp cận, chia sẻ các thông tin về hồ sơ giải quyết TTHC trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện *(cũ),* cấp xã;

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định. Tổ chức thực hiện khai thác hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Sơn La, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh. Tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu, phát triển mối quan hệ tương tác giữa Hệ thống giám sát, điều hành thông minh và các Hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành.

8. Kinh tế số

- Thực hiện các giải pháp phát triển thương mại điện tử theo Kế hoạch phát triển thương mại điện tử được UBND tỉnh phê duyệt;

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số *(quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...);*

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức;

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

9. Xã hội số

- Thành lập, kiện toàn, duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng theo mô hình chính quyền sau sắp xếp, sáp nhập. Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế, xã hội; Tổ Ứng cứu Công nghệ và Nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết TTHC tại xã, phường;

- Triển khai mô hình phòng học thông minh, hỗ trợ, hướng dẫn triển khai chương trình dạy và học theo mô hình phòng học thông minh; chú trọng tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho giáo viên và trang bị đủ thiết bị, phần mềm tại các trường học trên địa bàn tỉnh. Triển khai Học bạ số cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Triển khai mô hình bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử tại các bệnh viện cấp tỉnh. Triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa;

- Triển khai Nền tảng số Du lịch thông minh phục vụ cơ quan quản lý, cơ sở du lịch và du khách;

- Thực hiện chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Phát triển thanh toán số, triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số;

- Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động.

10. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Các cấp, các ngành, các doanh nghiệp thường xuyên tuyên truyền về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân về chủ trương của Đảng, nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị về chuyển đổi số;

- Việc tuyên truyền về chuyển đổi số cần linh hoạt, sáng tạo, đổi mới bằng nhiều hình thức, phương thức khác nhau, nội dung cần ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực

với người dân, doanh nghiệp như: Xây dựng, phát hành các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương; thông qua các hội nghị, hội thảo, hội thi, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025; thông qua việc chia sẻ các sáng kiến, cách làm hay, mô hình điển hình hiệu quả về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân; thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn của Tổ công nghệ số cộng đồng. Triển khai phát động phong trào thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030;

- Đẩy mạnh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia", "Chuyển đổi số tỉnh Sơn La" trên Cổng, Trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội, qua đó thường xuyên chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

(chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở;

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học;

- Triển khai các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; phát động và triển khai có hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân…

2. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhân sự phụ trách nhiệm vụ chuyển đổi số từ tỉnh đến xã, cơ quan, đơn vị

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan, địa phương, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số;

- Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, thành lập tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ tại 100% xã, phường. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang, giáo viên, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia hỗ trợ nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số;

- Tăng cường tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức tại các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường về chuyển đổi số, kỹ năng số, kỹ năng phân tích dữ liệu và công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng. Lồng ghép nội dung phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số vào chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở.

3. Thu hút nguồn lực CNTT

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng số;

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh;

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

4. Giải pháp về vốn

- Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số *(Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp);*

- Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển đổi số, các ứng dụng dùng chung của tỉnh theo dự toán đã được giao cho các cơ quan, đơn vị;

- Các cơ quan, đơn vị chủ động bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương, phù hợp chủ trương, định hướng của tỉnh;

- Huy động nguồn lực của các Tập đoàn viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng số. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

5. Tăng cường hợp tác

Tổ chức các đoàn công tác đi học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thống nhất chỉ đạo triển khai các chương trình, dự án về chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước để tránh chồng chéo, lãng phí;

- Chủ trì, tham mưu Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xây dựng Kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của các Sở, ban, ngành, xã, phường, báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý kịp thời;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm, nền tảng dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, đánh giá hiệu quả sử dụng để nhân rộng.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch chuyển đổi số và các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm cho các đơn vị sau khi có đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan và theo chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành có thẩm quyền; đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số trình UBND tỉnh phê duyệt *(nếu có)*.

4. Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương, xây dựng hoặc bổ sung Kế hoạch chuyển đổi số đơn vị, địa phương mình đảm bảo phù hợp với Kế hoạch Chuyển đổi số của tỉnh, **hoàn thành trước ngày 10 tháng 8 năm 2025.** Chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch thuộc cơ quan, đơn vị, lĩnh vực quản lý;

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; thực hiện tự kiểm tra, theo dõi tình hình triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc;

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp vị trí việc làm, phân công cán bộ lãnh đạo, chuyên viên có năng lực tham mưu, kiến thức chuyên môn làm đầu mối phụ trách lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng đáp ứng yêu cầu về chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Sơn La;

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị;

- Khi đầu tư dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các nền tảng, phần mềm do Bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp Tỉnh đến Trung ương;

- UBND các xã, phường chủ động bố trí chi ngân sách thường xuyên của cấp xã để triển khai chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; Trung tâm thông tin tỉnh

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

6. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ hàng quý *(trước ngày 05 tháng cuối quý)* hoặc đột xuất *(khi có yêu cầu)* các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo UBND tỉnh *(qua Sở Khoa học và Công nghệ)* để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2025
I	**PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ**		
1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	≥ 0.66	-
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	≥ 70%	-
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	100%	-
4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc"	≥ 70%	-
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	≥ 95%	87,47%
6	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100%	46,25%
7	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	≥ 70%	30,87%
8	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	66,67%	66,67%
9	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	≥ 50%	44,4%

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2025
10	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung của các Sở, ban, ngành được kết nối, chia sẻ, tích hợp với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu **(LGSP)** của tỉnh	≥ 20%	0%
11	Tỷ lệ mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội	100%	13,48%
12	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	0%
13	Tỷ lệ chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	≥ 60%	-
14	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã phải xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc	100%	90%; 75%
15	Tỷ lệ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung	100%	70%
II	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ**		
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	8%	6,76%
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	Tối thiểu 10%	Chưa có phương pháp xác định

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2025
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương ứng dụng công nghệ số	≥ 30%	Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp thuế điện tử
III	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ, HÌNH THÀNH XÃ HỘI SỐ, THU HẸP KHOẢNG CÁCH SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN**		
1	Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh	100%	96,39%
2	Tỷ lệ phủ mạng băng rộng cố định **(cáp quang)**	80% hộ gia đình	55,05%
3	Phổ cập dịch vụ mạng di động tốc độ cao **(4G/5G)**	100% dân số được phủ sóng 4G; ≥ 15% dân số được phủ sóng 5G	97,25%
4	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	≥ 60%	-
5	Tỷ lệ người sử dụng Internet	63%	60,9%
6	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử **(VNelD)**	≥ 50%	46,3%
7	Tỷ lệ người trưởng thành **(từ 15 tuổi trở lên)** có tài khoản thanh toán điện tử **(tài khoản giao dịch tại ngân hàng)**	90%	88,05%
8	Hình thành Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh, giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Sử dung hệ thống hiện có	Hệ thống SOC tỉnh Sơn La
IV	**PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC**		
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	2%

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2025
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	≥ 80%	-
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	80%	-
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số	80%	-
4.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế	80%	-
4.2	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giáo dục	80%	-
4.3	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong bảo hiểm	80%	-
4.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giao thông	80%	-

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
I	**Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát**				
1	Ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số thuộc ngành, lĩnh vực quản lý	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Cơ quan, đơn vị có liên quan	Các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số	Năm 2025
2	Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thông tin công khai, tuyên truyền rộng rãi trên báo, đài và hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội	Năm 2025
3	Kiểm tra, giám sát một số sở, ngành, UBND xã, phường đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả kiểm tra	Năm 2025
4	Tự kiểm tra việc thực hiện Chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả tự kiểm tra	Năm 2025
II	**Thể chế, chính sách số**				
1	Quyết định ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025-2030. Lồng ghép chiến lược tổng thể, nội dung phát triển hạ tầng số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định, Kế hoạch phát triển KT-XH có lồng ghép nội dung phát triển hạ tầng số	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định	Năm 2025
3	Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ban hành Danh mục	Đã hoàn thành (Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)
4	Nghiên cứu, đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở Tài Chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nghị quyết, Quyết định	Năm 2025
5	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng thủ tục hành chính trực tuyến	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Nghị quyết, Quyết định	Năm 2025
6	Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Sơn La, phiên bản 4.0	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định	Năm 2025
III	**Hạ tầng số**				
1	Hình thành Trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao; xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số, dữ liệu số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định	Năm 2025
2	Đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại một số cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
4	Rà soát nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kĩ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
5	Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng, phủ sóng 4G/5G; triển khai các nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử	Viettel Sơn La, VNPT Sơn La, Mobifone Sơn La	UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
6	Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu **(LGSP)** của tỉnh. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu **(dân cư, đất đai, doanh nghiệp...)** trên nền tảng chung, tích hợp với AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	Nền tảng LGSP của tỉnh tích hợp, liên thông CSDL dân cư, đất đai, doanh nghiệp	Năm 2025
7	Đầu tư, thiết lập Hệ thống đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tuyên truyền ở cơ sở	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2025
8	Đầu tư phòng thu phát thanh trực tiếp và Studio đa phương tiện	Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
9	Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định phê duyệt dự án	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
10	Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ **(IoT, AI, GIS...)** trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
11	Triển khai Đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,... **(của Trung ương)**	Các sở, ban, ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch triển khai Đề án	Sau khi có Quyết định của Chính phủ **(dự kiến Tháng 9/2025)**
IV	**Nhân lực số**				
1	Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai chuyển đổi số từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định	Năm 2025
2	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phong trào "Bình dân học vụ số"	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch	Đã ban hành (Kế hoạch số 136/KHUBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh)
3	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào "học tập số"	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch	Năm 2025
4	Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, ứng dụng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	trí tuệ nhân tạo **(theo chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ)**				
5	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho cán bộ công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, Tổ chuyển đổi số cộng đồng	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2025
6	Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo Cao đẳng, Đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các trường Đại học, Cao đẳng, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan, đơn vị có liên quan	Chương trình, báo cáo kết quả đào tạo	Năm 2025
V	**Dữ liệu số**				
1	Phối hợp với các Bộ, ngành triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu quy mô toàn quốc	Các sở, ban, ngành chủ trì quản lý, cập nhật dữ liệu, UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả cập nhật dữ liệu của tỉnh	Năm 2025
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục tại Quyết định số 1527/QĐ-BKHCN ngày 29/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
4	Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường…	Các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Xây dựng	UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
5	Duy trì Cổng Dữ liệu mở tỉnh Sơn La; cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Đơn vị có liên quan	Dữ liệu cung cấp trên Cổng Dữ liệu mở	Năm 2025
6	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các sở, ban, ngành	UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
7	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	9/2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
8	Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các sở: Tư pháp, Giáo dục, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Dữ liệu các lĩnh vực: tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2025
9	Số hóa trong công tác kiểm tra kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Sở Công Thương	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
10	Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	Sở Nội vụ	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
VI	**An toàn thông tin mạng**				
1	Xây dựng và ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Quyết định ban hành Quy chế	Năm 2025
2	Xây dựng kế hoạch đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	Năm 2025
3	Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Kế hoạch	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
			và các đơn vị có liên quan		
4	Xây dựng kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch	Năm 2025
5	Rà soát các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh để thực hiện phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn thông tin	Năm 2025
6	Duy trì hệ thống Giám sát an ninh mạng **(SOC)** của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Hệ thống SOC của tỉnh	Năm 2025
7	Duy trì và mở rộng Hệ thống phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hệ thống phòng, chống mã độc của tỉnh	Năm 2025
8	Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ)	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kết nối với Hệ thống giám sát của Trung ương	Năm 2025
9	Kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Các cuộc kiểm tra, diễn tập	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
10	Đầu tư Hệ thống an toàn thông tin theo cấp độ của một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị có liên quan	Hệ thống an toàn thông tin theo cấp độ tại các cơ quan, đơn vị	Năm 2025
VII	**Chính quyền số**				
1	Duy trì các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh				
1.1	Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.2	Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.3	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.4	Hệ thống Cổng thông tin điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.5	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
1.6	Hệ thống thông tin báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
1.7	Hệ thống thông tin phục vụ họp (eCabinet)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2	Triển khai các Hệ thống thông tin chuyên ngành				
2.1	Duy trì Hệ thống thông tin hỗ trợ thu thập và tính toán các chỉ số chuyển đổi số tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.2	Phần mềm quản lý, lập kế hoạch thanh tra và xử lý chống chéo thanh tra	Thanh tra tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.3	Hệ thống đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 cấp THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.4	Phần mềm quản lý chương trình đào tạo, bồi dưỡng; phần mềm quản lý học viên	Trường Chính trị tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.5	Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.6	Phần mềm chuyển đổi số cho hệ thống hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2.7	Chuẩn hóa dữ liệu bản đồ và xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, chia sẻ bản đồ số tỉnh Sơn La	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
2.8	Hệ thống thông tin Quản lý ngân sách tỉnh Sơn La	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
3	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Năm 2025
5	Duy trì Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh; Tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu, phát triển mối quan hệ tương tác giữa Hệ thống giám sát, điều hành thông minh và các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
VIII	**Kinh tế số**				
1	Thực hiện các giải pháp phát triển thương mại điện tử theo Kế hoạch phát triển thương mại điện tử được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số **(quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...)**	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
			đơn vị cung cấp giải pháp số		
3	Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
4	Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
IX	**Xã hội số**				
1	Thành lập, kiện toàn, duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng theo mô hình chính quyền sau sắp xếp, sáp nhập	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định thành lập, kiện toàn các Tổ chuyển đổi số cộng đồng	Năm 2025
2	Triển khai mô hình phòng học thông minh	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
3	Triển khai mô hình bệnh viện thông minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
4	Triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Nền tảng số Y tế	Năm 2025
5	Triển khai Nền tảng số Du lịch thông minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	Nền tảng số Du lịch	Năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
6	Chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Sơn La	UBND các xã, phường	Sở Y tế	Báo cáo kết quả triển khai	Năm 2025
7	Phát triển thanh toán số, triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Ngân hàng nhà nước khu vực 3	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
8	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Chương trình/Kế hoạch	Năm 2025
9	Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động	UBND các xã, phường	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng; Tổ chuyển đổi số cộng đồng	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Năm 2025
X	**Nhận thức số**				
1	Phát động phong trào thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kế hoạch	Đã hoàn thành (Quyết định số 1470/QĐ- UBND ngày 21/6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Kế hoạch	Tháng 10/2025
3	Xây dựng, phát hành các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các đơn vị liên quan	Tin, Video clip, Infographic	Năm 2025
4	Xây dựng phóng sự phát thanh, truyền hình tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La, Trung tâm thông tin tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Phóng sự phát thanh, truyền hình	Năm 2025
5	Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị có liên quan	Hội nghị, hội thảo, tọa đàm…	Năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1892/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 60/TTrVPUB ngày 29 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La)

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Triển khai hiệu quả, chất lượng công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); bảo đảm công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh hoạt động thường xuyên, nề nếp, hiệu quả; công khai, minh bạch các thông tin về TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết tại 02 cấp chính quyền *(công khai trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả)* để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, thực hiện TTHC;

- Tăng cường tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo các cấp với tổ chức, cá nhân về TTHC, nhất là các TTHC liên quan đến các lĩnh vực: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng, đầu tư, thuế... Thực hiện liên thông toàn bộ quy trình giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai và thủ tục thực hiện nghĩa vụ tài chính, thuế trên địa bàn tỉnh giữa ngành thuế và tài nguyên, môi trường để tạo môi trường công khai, minh bạch, hướng đến sự hài lòng cao của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC;

- Kiện toàn và bố trí cán bộ, công chức đủ năng lực, đúng chuyên môn, nghiệp vụ, có đạo đức, tác phong tốt làm việc chuyên trách tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, cấp xã;

- Nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết công việc, đặc biệt là giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp cho tổ chức, cá nhân và công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính và thực hiện TTHC trên địa bàn tỉnh;

- Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, dịch vụ công trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử đối với cơ quan hành chính các cấp;

- Tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia tìm hiểu, nắm vững các quy định về TTHC, qua đó thực hiện quyền giám sát của mình đối với việc giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước.

- Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường trong quá trình thực hiện kiểm soát TTHC, gắn với việc tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và tiếp nhận, giải quyết TTHC, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền;

- Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao, gắn công tác kiểm soát TTHC và triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông với công tác thi đua khen thưởng, xử lý kịp thời cá nhân, tập thể có hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu trong quá trình thực hiện TTHC.

B. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
I	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**				
1	Xây dựng Kế hoạch Kiểm soát TTHC năm 2025 của Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch Kiểm soát TTHC năm 2025	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường		Trong tháng 7/2025
2	Ban hành các văn bản hướng dẫn, phối hợp thực hiện công tác kiểm soát TTHC theo chỉ đạo của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh	Các văn bản	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên
3	Đảm bảo kinh phí cho hoạt động kiểm soát TTHC	Phân bổ kinh phí hoạt động kiểm soát TTHC năm 2025	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	06 tháng cuối năm
II	**RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**				
1	Xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 theo ngành, lĩnh vực quản lý và thẩm quyền giải quyết	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		Trước ngày 10/8/2025
2	Triển khai, thực hiện rà soát, đánh giá TTHC	Tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong tháng 8/2025
3	Hoàn thiện báo cáo kết quả rà soát, đánh giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Báo cáo kết quả rà soát TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Trước ngày 10/9/2025

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
4	Tổng hợp các kết quả rà soát, đánh giá TTHC trình UBND tỉnh thông qua	Báo cáo tổng hợp các kết quả rà soát, đánh giá; Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC của UBND tỉnh, sáng kiến cải cách TTHC của tỉnh năm 2025	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Trước ngày 15/9/2025
III	**RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ**				
1	Tiếp tục rà soát, trình công bố TTHC nội bộ đang thực hiện tại cơ quan, đơn vị trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025		Các sở, ban, ngành;	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh
2	Rà soát, trình phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025				
IV	**NÂNG CAO NĂNG LỰC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC LÀM NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT TTHC VÀ TRAO ĐỔI, HỌC TẬP KINH NGHIỆM**				
1	Tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm soát TTHC, tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC do Văn phòng Chính phủ tổ chức	Cử cán bộ, công chức tham gia	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
2	Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC cho cán bộ kiểm soát TTHC cấp tỉnh, cấp xã; cán bộ làm nhiệm vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lồng ghép với các lớp tập huấn công tác cải cách hành chính của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Trong năm
3	Trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC giữa các đơn vị trong tỉnh, với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC ở các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Trong năm
V	**BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG CÁC DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ QUY ĐỊNH TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TỈNH**				
1	Lấy ý kiến góp ý về TTHC trong dự thảo văn bản có quy định TTHC (trường hợp được luật giao)	Văn bản đóng góp ý kiến	Các sở, ban, ngành	Sở Tư pháp	Thường
2	Thực hiện đánh giá tác động TTHC trong dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh (trường hợp được luật giao)	Điền các Biểu mẫu đánh giá về TTHC. Lập hồ sơ gửi lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tính hợp pháp) về nội			

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
		dung quy định TTHC trong dự thảo theo quy định			
VI	**CÔNG BỐ, CÔNG KHAI, CẬP NHẬT CSDL QUỐC GIA VỀ TTHC**				
1	Kiểm soát chất lượng dự thảo quyết định công bố danh mục TTHC hoặc dự thảo quyết định công bố TTHC của UBND tỉnh (trường hợp được luật giao)	Quyết định công bố danh mục TTHC (hoặc công bố TTHC) của Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
2	Dự thảo quyết định công bố danh mục TTHC hoặc quyết định công bố TTHC (trường hợp được luật giao) của Chủ tịch UBND tỉnh; Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC (hoặc TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của 3 cấp chính quyền	Tờ trình, dự thảo quyết định công bố	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
3	Thực hiện công khai TTHC đã được công bố	Cập nhật TTHC được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh		Thường xuyên
		Niêm yết, công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC đã được công bố tại nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, trên Website của cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Điểm tiếp nhận hồ sơ cấp xã (nếu có)	Thường xuyên
VII	**TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**				

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
1	Công khai nội dung hướng dẫn phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Niêm yết thông tin, số điện thoại tiếp nhận, địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị về quy định hành chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường		Thường xuyên
2	Tiếp nhận, phân loại và chuyển xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC của các cá nhân, tổ chức	Chuyển phản ánh kiến nghị trên hệ thống điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thường xuyên
3	Xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính	Báo cáo kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
VIII	**TỔ CHỨC, THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG**				
1	Nghị định số 118/2025/NĐ- CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia		Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường		Thường xuyên
2	Dự thảo Quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thuộc thẩm quyền giải quyết của 02 cấp chính quyền (ngay sau khi Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC)	Tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành.	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
3	Kiểm soát chất lượng quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Quyết định công bố quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh		Thường xuyên
4	Nghị định số 118/2025/NĐ- CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia		Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thường xuyên
5	Tổ chức thu thập ý kiến đánh giá trong việc giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Biểu đánh giá của tổ chức, cá nhân	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường		Thường xuyên
6	Triển khai thực hiện "Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC" theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh	- Tỷ lệ số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được giải quyết thành công đạt 100% để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. - Số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh đạt 100%.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Khoa học và công nghệ	Hoàn thành trong năm 2025

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
		- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ. - Tỷ lệ người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử tối thiểu đạt 50% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận; tối thiểu từ 80% trở lên hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử; 100% hồ sơ TTHC đã giải quyết thành			

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
		công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng. - Tăng năng suất lao động trung bình trong giải quyết TTHC thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT, xã hội hóa một số công việc trong quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết TTHC đảm bảo mục tiêu của Đề án 468.			
IX	**TỔ CHỨC THỰC HIỆN, DUY TRÌ CỔNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**				
1	Tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình	Các dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình được triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên
2	Xây dựng quy trình điện tử trong giải quyết TTHC (ngay sau khi Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC)	Quy trình điện tử trong giải quyết TTHC được thực hiện			
3	Tích hợp, kết nối các dịch vụ công theo yêu cầu của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh	Các dịch vụ được tích hợp, kết nối		Các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo yêu cầu
X	**CÔNG TÁC KIỂM TRA, KIỂM SOÁT TTHC**				

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
1	Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định số 118/2025/NĐ- CP	Báo cáo kiểm tra công tác KSTTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kiểm tra định kỳ, đột xuất theo chỉ đạo
2	Kiểm tra việc tuân thủ TTHC và niêm yết công khai TTHC tại nơi trực tiếp giải quyết TTHC, tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.	Lập Kế hoạch kiểm tra và tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kiểm tra định kỳ, đột xuất theo chỉ đạo
XI	**TRUYỀN THÔNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC**				
1	Truyền thông về công tác Kiểm soát TTHC; thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ- CP; các hoạt động nổi bật trong công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC	Các tin, bài về hoạt động kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC của tỉnh, các hình thức khác: tờ rơi, khẩu hiệu…	Các sở, ban, ngành; Báo Sơn La, Đài PTTH tỉnh; UBND các xã, phường		Thường xuyên
XII	**CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO**				
1	Báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC	Báo cáo của các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Báo cáo quý, BC năm, BC đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Kết quả công việc	Phân công thực hiện		Thời gian thực hiện
			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	
2	Tổng hợp báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC báo cáo Chính phủ, UBND tỉnh	Báo cáo của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo quý, BC năm; BC đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, UBND tỉnh
3	+ Tổng hợp kết quả chấm điểm các tiêu chí chấm điểm trong đánh giá việc giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Báo cáo tổng hợp kết quả chấm điểm đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Hàng quý, năm	
	+ Tổng hợp kết quả chấm điểm đánh giá, phân loại, xếp hạng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ TTHC	Báo cáo tổng hợp kết quả chấm điểm	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng quý, năm

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan trên cơ sở Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025 của UBND tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch của cơ quan, đơn vị mình và tổ chức triển khai thực hiện đúng nhiệm vụ được giao.

2. Sở Tài chính phối hợp theo dõi, hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi cho công tác kiểm soát TTHC theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai và cho ý kiến về bình xét thi đua, khen thưởng, chấm điểm việc thực hiện kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị; tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh theo quy định hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025 của UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị mình./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com